

NGÔN NGỮ - VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

## GIÁO DỤC TIẾNG MẸ ĐẼ NHƯ MỘT MÔN HỌC TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở GIA LAI VÀ THÁI ĐỘ CỦA HỌC SINH GIA-RAI

MOTHER TONGUE EDUCATION AS A SUBJECT IN PRIMARY SCHOOL IN  
GIA LAI AND LANGUAGE ATTITUDE OF GIA-RAI PUPIL

ĐOÀN VĂN PHÚC

(PGS.TS; Viện Ngôn ngữ học)

**Abstract:** This article summarizes and evaluates facts of Gia-rai language education in Gia Lai province and the development of quality and quantity of teacher, infrastructure etc over the past five years expending mother tongue education for Gia-rai pupils in primary school. The article also analyzes language attitude of pupil toward this subject to extract experience for better implementation, in contribution to sustainably develop Gia-rai - Viet bilingual situation in the region of Gia-rai people.

**Key words:** language education; bilingual education; language attitude.

### 1. Mở đầu

Người Gia-rai (Gr) là dân tộc thiểu số (DTTS) có số dân đông nhất ở Tây Nguyên, và tập trung chủ yếu ở tỉnh Gia Lai. Theo số liệu Điều tra dân số 11/2011 của tỉnh Gia Lai, người Gr có 414.206 người, chiếm 29,78% dân số của tỉnh. Tại đây, họ cư trú khá tập trung ở các huyện, thị xã phía Nam và Đông Nam, Bắc, Tây của tỉnh và thành phố Pleiku. Hiện nay tiếng Gr có một vị thế cao hơn so với các ngôn ngữ DTTS khác ở đây, có vai trò và chức năng như một "ngôn ngữ phổ thông vùng" trong giao tiếp của cư dân các dân tộc ở tỉnh Gia Lai. Dân tộc Gr có chữ viết Latinh từ những năm hai mươi của thế kỉ XX. Sau giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1975) tiếng nói và chữ viết Gr từng bước đã và đang được đưa vào dạy-học trong trường học. Từ những năm 1997 - 2007, tiếng Gr được đưa vào thực nghiệm dạy như một môn học cho học sinh (HS) Tiểu học (TH). Chương trình này thực sự có những biến chuyển chính từ năm học 2009 - 2010, năm học đầu tiên đưa tiếng Gr dạy đại trà như một môn học ở các trường TH. Ngoài chương trình này, từ năm học 2008 - 2009, còn có một số HS Gr ở ba trường TH<sup>7</sup> lại theo học chương trình *Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ* (TMĐ) đối với tiếng Gr. Đến năm học 2013 - 2014, ở Gia Lai có 146 HS học ở 4 lớp 4 và 4 lớp 5 tại 3 trường TH trên. Hiện tại, chương trình này đã tiến hành được 6 năm và đã kết thúc lứa I (lớp 5) vào cuối năm học 2013 - 2014.

Bài viết nhìn nhận thực tế tình hình dạy-học tiếng Gr như một môn học ở trường TH trong thời gian qua và thái độ của HS đối với môn học này. Trên cơ sở đó, chúng ta có cách nhìn đúng hơn về giáo dục TMĐ như một môn học cho HS, phục vụ mục tiêu phát triển giáo dục song ngữ Việt - dân tộc đối với cư dân, học sinh dân tộc Gia-rai nói riêng và cư dân, học sinh các DTTS ở Việt Nam nói chung, góp phần phát triển bền vững vùng dân tộc và miền núi.

### 2. Dạy-học tiếng Gia-rai trong trường TH hiện nay

#### 2.1. Tình hình chung

Theo tinh thần Quyết định 53/CP ngày 22/02/1980 của Chính phủ, từ những năm tám mươi của thế kỉ XX, Ty Giáo dục tỉnh Gia Lai - Kon Tum (cũ) đã khẩn trương vào cuộc, tích cực chuẩn bị phục vụ việc dạy-học TMĐ cho HS DTTS ở địa phương, trong đó tiếng Gr. Sau khi chia tách và được tái lập tỉnh Gia Lai (1991), và đặc biệt sau khi có Thông tư số 01/GD-ĐT của Bộ GD&ĐT hướng dẫn việc dạy và học tiếng nói, chữ viết DTTS, công tác này ở Gia Lai có sự chuyển biến mạnh mẽ. Ngành GD&ĐT tỉnh đã tiến hành thực nghiệm dạy tiếng Gr như một môn học trong 10 năm (1997 - 2007). Trong những năm gần đây, dưới sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT, Ban Giáo dục dân tộc, các Phòng GD&ĐT cũng như sự ủng hộ của các địa phương, công tác dạy-học tiếng và chữ Gr cho HS trong các

<sup>7</sup> Đây là chương trình hợp tác thực nghiệm giáo dục song ngữ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Việt Nam với tổ chức Unicef. Đó là các trường: TH Lý Tự Trọng, TH Ngô Mây (ở huyện Ia Grai) và TH Ia Phí (huyện Chư Páh). Chúng tôi không quan tâm trường hợp này vì vấn đề vẫn đang thực nghiệm trong một phạm vi rất hẹp với số lượng nhỏ và chưa có tổng kết của chương trình.

trường học đã đạt được những kết quả nhất định về quy mô (trường, lớp, số lượng HS) cũng như sự chuyển biến về chất lượng học tập môn học này.

### 2.2. Sự phát triển về quy mô

Những năm cuối thế kỉ XX và một số năm đầu thế kỉ XXI (1997-2007), tiếng Gr (và cả tiếng Ba-na) chỉ được dạy-học thực nghiệm hạn chế trong một số trường TH và Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) tỉnh. Dần dần, phạm vi dạy-học tiếng và chữ Gr được mở rộng ở các huyện, đặc biệt tại những nơi có tỉ lệ HS người Gr chiếm số đông. Tuy vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm (với bộ sách in năm 2000 và 2001), song số HS học tiếng Gr tăng lên không ngừng. Năm học 2007 - 2008, toàn tỉnh có 73 trường với 207 lớp và 4.138 HS đang theo học ở các lớp tiếng và chữ Gr. Từ năm học 2009-2010, tiếng Gr được dạy đại trà trong phạm vi rộng nên việc có sự phát triển về quy mô so với trước. Hàng năm, số trường, lớp, HS theo học chương trình này cũng tăng so với năm học trước. Dưới đây là số liệu HS học tiếng Gr từ năm 2009 đến 2014<sup>8</sup>:

STT	Năm học	Số học sinh
2	2009 - 2010	7.729
3	2010 - 2011	9.074
4	2011 - 2012	9.692
5	2012 - 2013	9.888
6	2013 - 2014	8.507 <sup>9</sup>

### Sự phát triển số lượng học sinh học tiếng Gia-rai 6 năm qua

Theo dõi số lượng HS ở trên, có một sự cân đối tỉ lệ giữa các HS nam và nữ. Tỉ lệ HS nữ tham gia thường khoảng trên dưới 50% tổng số HS tham gia. Tuy nhiên, ở một vài địa phương và một số lớp khác nhau về lứa tuổi lại có sự chênh lệch đáng kể<sup>10</sup>. Đây cũng là một xu hướng về tỉ lệ nữ/ tổng số dân cư ở người Gr thường đông hơn nam<sup>11</sup>. Ở các huyện tập trung càng đông người Gr thì số HS tham gia chương trình TMD như một môn học càng nhiều (như ở Ia Pa, Krông Pa, Chư Puh,...)<sup>12</sup>. Ở một số trường TH, còn có các HS các dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,... cũng tham gia học tiếng Gr. Dưới đây là số liệu HS TH ở 12 huyện, thị, thành phố học tiếng Gr như một môn học trong năm học 2013 - 2014:

STT	huyện, thị, thành phố	Số trường	số lớp			số học sinh lớp			tổng số HS	
			3	4	5	3	4	5	Chung	nữ
1	Ia Pa	8	31	30	27	779	691	610	2.080	1.059
2	Chư Puh	12	21	20	19	501	524	455	1.400	816
3	Krông Pa	16	16	17	16	389	469	400	1.258	628
4	Ia Grai	7	9	12	8	171	214	159	544	281
5	Ayun Pa	4	9	10	1	248	289	20	537	287
6	Chư Prông	9	13	7	5	273	157	93	523	260
7	Đức Cơ	2	6	5	6	160	149	158	467	220
8	Chư Sê	10	5	3	7	117	52	160	328	159

<sup>8</sup> Các số liệu này được trích từ các báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai.

<sup>9</sup> Số liệu năm học 2013 - 2014 chỉ tính HS học tiếng Gr như một bộ môn. Ở một số trường, còn có các HS các dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,... cũng tham gia học tiếng Gr.

<sup>10</sup> Ở huyện Chư Puh thì tỉ lệ HS nữ chiếm số đông hơn (816 nữ/1400 HS = 58,28%). Thậm chí có những lớp học mà tỉ lệ học sinh nữ chiếm tới hơn 65% (như trường hợp một lớp 5 trường TH Trần Hưng Đạo, xã Ia Rông, huyện Chư Puh). Tại đây có một sự chênh lệch lớn về tỉ lệ HS nữ và nam. Lớp học có 32 HS, trong đó có 22 nữ, chiếm 68,75%. Và như vậy, sẽ có những lớp có tỉ lệ HS nam sẽ đông hơn bởi tỉ lệ HS học TMD ở trường không có sự chênh lệch đáng kể. Song rất có thể lứa tuổi HS nữ năm đó ở các xã Ia Rông, Ia Mron, Ia Trôk đông hơn so với các cháu HS nam. Trong số 248 HS chúng tôi khảo sát ở 4 trường thì chỉ có 89/248 = 35,88% nam mà thôi.

<sup>11</sup> Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy tỉ lệ nam - nữ ở dân tộc Gia-rai tại các địa phương có người dân tộc này cư trú thường nữ giới chiếm tỉ lệ hơn 50% dân số của dân tộc này.

<sup>12</sup> Riêng trường hợp ở thành phố Pleiku thì số HS TH tham gia chiếm tỉ lệ thấp và không có HS lớp 5 từ nhiều năm qua.

9	*Phú Thiện <sup>13</sup>					401	332	313	1.046	
10	*Pleiku					58	46		104	
11	*Chư Păh					69	16		85	
12	*Đak Đoa					55			55	

### Số lượng HS học tiếng Gia-rai như một môn học năm học 2013 - 2014 ở Gia Lai

Năm học 2013 - 2014, số HS TH theo học tiếng Gr như một môn học bị giảm sút một cách đáng kể (1.381 HS). Lí giải về sự sụt giảm số lượng HS tham gia học *Toloi Jrai* như một môn học có thể có nhiều lí do. Tuy nhiên, các cán bộ của Ban Giáo dục dân tộc thuộc Sở GD&ĐT Gia Lai cho rằng: có sự sụt giảm này chính bởi:

Thứ nhất, theo sách giáo khoa *Toloi Jrai* được biên soạn chuẩn<sup>14</sup> thì môn học này được tổ chức dạy-học trong 3 năm (từ lớp 3 đến lớp 5) với thời lượng 396 tiết, tức mỗi năm 132 tiết, và 4 tiết/tuần. Đây là môn học chính thức trong nhà trường có học sinh Gr. Nhưng theo quy định mới của Bộ GD&ĐT thì môn TMD cho HS dân tộc lại là môn học tự chọn.

Thứ hai, do quy định thời lượng cho môn tự chọn chỉ được phép dạy 2 tiết/tuần nên các trường rất khó bố trí giáo viên cũng như thời lượng học. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới tâm lí giáo viên cũng như HS và phụ huynh có con đang theo học chương trình *Toloi Jrai* tại các trường TH.

### 2.3. Về chất lượng học tập của học sinh

Kết quả và chất lượng học tập của HS phụ thuộc rất nhiều vào thái độ của chính bản thân HS, năng lực và thái độ của đội ngũ giáo viên người Gr cũng như kế hoạch, sự chỉ đạo của ngành GD&ĐT địa phương. Bên cạnh đó còn các điều kiện cơ sở vật chất cũng như điều kiện cư trú của dân cư và sự ủng hộ tích cực của chính quyền các địa phương (xã, huyện)<sup>15</sup>.

#### 2.3.1. Về chất lượng học tập của HS TH qua báo cáo

- Trong tất cả các báo cáo tổng kết năm học (từ năm 2010 đến 2013) của Sở GD&ĐT Gia Lai (gửi về Vụ Giáo dục dân tộc thuộc Bộ GD&ĐT) đều khẳng định chất lượng của HS học môn tiếng Gr hàng năm đều khẳng định chất lượng năm học sau tốt hơn năm trước. Phòng GD&ĐT huyện Ia Pa cho biết chất lượng của 2001 HS tham gia môn học này trong năm học 2012 - 2013<sup>16</sup>: giỏi 11,2 %, khá: 35,6%, trung bình: 47,3%, yếu: 5,9%.

- Từ các báo cáo của một số trường TH được khảo sát:

Theo đánh giá của các trường TH ở Ia Pa (trường Lê Quý Đôn, Đình Tiên Hoàng ở xã Ia Mron), và ở Chư Puh (trường Trần Hưng Đạo ở xã Ia Rông) trong mấy năm học qua thì chất lượng HS học môn này năm sau cao hơn năm trước, đặc biệt số HS yếu giảm rõ rệt. Dưới đây là vài số liệu từ các năm học 2011 - 2012 đến 2013 - 2014 như bảng tổng hợp dưới đây:

Trường	Năm học	số lượng	chất lượng							
			giỏi		Khá		trung bình		yếu	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Lê Quý Đôn	2011-12	316	43	13,61	112	35,44	144	45,57	17	5,38
	2012-13	435	43	9,88	183	42,06	209	48,04	0	0
	kì I 2013-14	458	49	10,70	139	30,35	247	53,93	23	5,02
Đình Tiên Hoàng	2011-12	177	30	16,90	95	53,70	52	29,40	0	0
	2012-13	203	40	19,70	90	44,30	59	29,10	14	6,90

<sup>13</sup> Các huyện thị có dấu sao là những nơi tổ chức dạy-học cả tiếng Gr và Ba-na trong trường TH. Vì vậy, chúng tôi không có riêng số liệu về số lượng trường, lớp dạy tiếng Gr và số HS nữ Gr.

<sup>14</sup> Theo Quyết định số 76/2008/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

<sup>15</sup> Chất lượng học tập của học sinh đang học môn tiếng Gr được nhìn nhận qua các số liệu và tư liệu sau:

- Các báo cáo hàng năm của các trường TH, các báo cáo tổng hợp chất lượng giáo dục HS dân tộc về môn học này của các Phòng GD&ĐT ở các huyện mà chúng tôi khảo sát, cũng như của Sở GD&ĐT tỉnh Gia Lai đánh giá kết quả học tập của HS đối với môn học TMD.

- Qua dự giờ tập đọc, qua nhận xét của giáo viên trực tiếp giảng dạy;

- Qua phỏng vấn trực tiếp HS, qua phiếu điều tra xã hội-ngôn ngữ học do các em HS tự đánh giá về năng lực ở từng phân môn: chính tả, đọc, nói, viết... đối với môn học *Toloi Jrai*.

<sup>16</sup> Riêng ở Ia Pa thì môn *Toloi Jrai* chỉ học với thời lượng 3 tiết/tuần.

Trần Hưng	2012-13	142	9	6,30	39	27,50	90	63,40	4	2,80
Đạo	kì I 2013-14	140	16	11,43	42	30,00	80	57,14	2	1,43

### Chất lượng học tập của HS học môn *Toloi Jrai*

2.3.1. Về chất lượng học tập của HS TH qua điều tra, khảo sát

a) Qua điều tra xã hội-ngôn ngữ học, phỏng vấn trực tiếp 248 HS ở 4 trường TH thì: theo phân tự đánh giá của HS thì gần một nửa HS  $123/248 = 49,60\%$ , trong đó nam  $47/89 = 52,80\%$ , nữ:  $76/159 = 47,80\%$  tự nhận đã thạo chữ Gr. Như vậy qua 3 năm học, vẫn còn hơn một nửa ( $125/248 = 50,40\%$ ) HS vẫn chưa thể viết, đọc đúng chữ Gr. Theo các em, rất nhiều em còn lẫn lộn chính tả tiếng Việt và tiếng Gr, và lỗi chủ yếu ở cả phần âm đầu lẫn phần vần của âm tiết chính.

b) Qua dự giờ phân môn Tập đọc ở 3 lớp thuộc 3 trường Trần Hưng Đạo, Lê Quý Đôn, Đinh Tiên Hoàng, chúng tôi nhận thấy:

Theo quy chuẩn của chương trình là 60 tiếng (từ)/phút thì không có HS nào đảm bảo được tốc độ đọc. Hầu hết HS mới chỉ đạt tốc độ 40 tiếng (từ)/phút. Chỉ có một HS ở trường Lê Quý Đôn đọc đạt được tốc độ 50 tiếng (từ)/phút. Riêng ở trường Trần Hưng Đạo thì rõ ràng năng lực phân môn tập đọc của các em kém hơn hẳn. Thậm chí có HS ở đây chỉ đạt tốc độ 25 tiếng (từ)/phút. Tìm hiểu nguyên nhân tốc độ đọc chậm của HS, chúng tôi được biết: do đặc điểm của thổ ngữ các xã, làng khác với chuẩn sách giáo khoa nên không ít em khó nhận dạng mặt chữ vì nghĩa của văn bản. Về giới, rõ ràng tốc độ đọc của các HS nữ nhanh hơn tốc độ HS nam (ở cả 3 trường). Như vậy, rõ ràng giữa các báo cáo của các cơ sở giáo dục (trường, phòng, sở) có một độ chênh nhất định so với khảo sát thực tế.

### 2.4. Về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất

Theo số liệu mới nhất (17/4/2014) của Sở GD&ĐT Gia Lai thì trong năm học 2013 - 2014, toàn tỉnh có 254 giáo viên người Gr đang tham gia dạy TMD cho HS. Tất cả các giáo viên này đều đạt chuẩn về trình độ sư phạm và đa số đều được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về phương pháp dạy TMD.

Về cơ sở vật chất, có thể nói, về cơ bản một số trường TH ở Ia Pa đảm bảo được các lớp học TMD vào các buổi sáng/chiều. Nhưng ở Chư Puh, một huyện mới được chia tách từ huyện Chư Sê nên cơ sở vật chất còn nghèo nàn, nhiều lớp học tại thôn buôn vẫn là nhà cấp 4 hết sức tạm bợ. Sách giáo khoa cho HS bị thiếu trầm

trọng<sup>17</sup>. Một số trường TH ở Chư Puh lại không đủ điều kiện về giáo viên, trường sở để mở lớp hay mở rộng quy mô dạy TMD cho HS Gr. Còn giáo cụ, thiết bị dạy-học môn tiếng DTTS cho HS thì giáo viên hầu như phải dạy chay.

### 2.5. Những vấn đề đặt ra

#### 2.5.1. Tỷ lệ HS tham gia còn thấp

Trong mấy năm tổ chức dạy đại trà gần đây, số lượng học sinh hàng năm đều tăng so với năm trước (trừ trường hợp năm học 2013 - 2014). Tuy nhiên, tỉ lệ HS Gr được thụ hưởng giáo dục bằng TMD còn quá thấp. Nếu tạm tính theo tỉ lệ như người Ê-đê ở Đăk Lăk thì cứ 11,78 người Gr thì có một HS từ lớp 3 - 5. Và như vậy năm học 2012- 2013 ở Gia Lai phải có  $414.206/11,78 = 35.160$  HS Gia rai từ lớp 3 -5. Thế nhưng thực tế ở đây mới chỉ có 10.034 (9.888 HS từ lớp 3 - 5 học tiếng Gr như một môn học và 146 HS được học tiếng Gr theo chương trình thực nghiệm) HS được thụ hưởng giáo dục bằng TMD. Như vậy mới chỉ có 28,54% HS TH Gr được thụ hưởng giáo dục bằng TMD.

#### 2.5.2. Cơ sở vật chất thiếu thốn

Trừ một số trường TH gần trung tâm thành phố, huyện, thị xã có cơ sở vật chất tương đối khá, còn rất nhiều trường vẫn đang trong tình trạng nhà cấp bốn, thậm chí là nhà tạm. Không ít trường ở các địa phương không có đủ điều kiện cơ sở vật chất để mở lớp cho dù phụ huynh và HS có nhu cầu. Đặc biệt, sách giáo khoa và đồ dùng giảng dạy cho HS còn thiếu trầm trọng do chế độ bao cấp về sách giáo khoa. Nhà nước cũng như địa phương thiếu kinh phí in ấn sách giáo khoa, thậm chí cả kinh phí photocopy sách giáo khoa cho HS. Ngoài số lượng sách giáo khoa rất ít cho HS và Hướng dẫn giảng dạy cho giáo viên thì HS và giáo viên không có một

<sup>17</sup> Tại các trường TH Lê Quý Đôn, Lê Hồng Phong, Đinh Tiên Hoàng (huyện Ia Pa) thì sách giáo khoa môn *Toloi Jrai* cho HS được khoảng 60%. Song tại Trường TH Trần Hưng Đạo (huyện Chư Puh) thì tình trạng thiếu sách giáo khoa cho HS là hết sức trầm trọng. Tham gia dự giờ phân môn tập đọc một lớp 5 ở trường Trần Hưng Đạo, chúng tôi biết: lớp có 32 HS, nhưng chỉ có 3 quyển sách giáo khoa *Toloi Jrai* giao cho 3 HS cầm, còn lại tất cả HS chẳng có tài liệu gì ngoài quyển vở có ghi chép được chút ít từ ngữ trên bảng ở các giờ học. Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết: nhà trường không có kinh phí để Photocopy sách giáo khoa cho HS. Và điều đó được Sở GD&ĐT tỉnh xác nhận rằng: chính bản thân Sở cũng không có kinh phí để Photocopy sách giáo khoa vì tỉnh chưa cấp, còn sách bao cấp của Bộ cấp cho mấy năm trước nay đã rách và thất lạc dần do HS DTTS bảo quản kém.

sách tham khảo hỗ trợ kiến thức nào về ngôn ngữ và văn hóa Gia-rai.

### 2.5.3. Sự thay đổi chữ viết

Từ sau giải phóng đến nay, bộ chữ Gr đã thay đổi nhiều lần, gây ảnh hưởng không nhỏ tới giáo viên, đặc biệt với phụ huynh khi giúp con cháu học tập. Nhiều trường hợp tên HS được viết theo chữ cũ trước năm 1981 nên ngay cả HS thậm chí cũng chưa thể viết đúng tên mình.

### 3. Thái độ của HS Gia-rai với việc học TMD

3.1. Theo cách hiểu thông thường, thái độ là "tổng thể nói chung những biểu hiện ra bên ngoài (bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động) của ý nghĩ, tình cảm đối với ai hoặc đối với sự việc nào đó", và "cách nghĩ, cách nhìn và cách hành động theo một hướng nào đó trước một vấn đề, một tình hình"<sup>18</sup>. Còn thái độ ngôn ngữ (Language attitude) là sự đánh giá về giá trị, khuynh hướng hành vi của một cộng đồng hay một cá nhân đối với một ngôn ngữ hay một hiện tượng ngôn ngữ nào đó.

Khi khảo sát thái độ của HS Gr đối với việc học TMD trong nhà trường, chúng tôi cũng xuất phát từ hai nguồn tư liệu: 1) Những báo cáo của các cơ sở giáo dục (Sở, Phòng, trường); 2) Từ thực tế điều tra, khảo sát, phỏng vấn HS tại các trường. Dưới đây là những kết quả đó:

#### 3.2. Qua các báo cáo

Tiếp cận với những báo cáo của các cấp trường, Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT thì hầu hết HS Gr đều thích thú với việc học tập trong giờ TMD. Và chính môn học này đã góp phần đảm bảo sĩ số HS. Hầu như không có báo cáo nào nhắc tới việc có HS không thích học môn học TMD. Vì vậy mà chất lượng học môn này của HS đảm bảo các yêu cầu (như mục 2.3. *Chất lượng học tập của học sinh*).

### 3.3. Qua kết quả điều tra xã hội-ngôn ngữ học

#### 3.3.1. Tình hình tư liệu

Để khảo sát thái độ của HS, chúng tôi sử dụng mẫu *Phiếu điều tra thái độ của học sinh Gia-rai đối với học TMD (dùng cho HS học TMD như một môn học)*. Bộ phiếu gồm 29 yếu tố có liên quan đến nhân thân người được khảo sát cũng như các câu hỏi thể hiện thái độ của HS, và cả nguyện vọng, những ý kiến đóng góp của các em về chương trình, thời lượng, tài liệu học tập, sách

tham khảo, giáo viên... đối với môn học TMD. Qua khảo sát 248 HS (89 nam, 159 nữ) ở lớp 5 tại 4 trường (Trần Hưng Đạo, Lê Quý Đôn, Lê Hồng Phong, Đinh Tiên Hoàng) và dự giờ phân môn Tập đọc ở 3 trường (Trần Hưng Đạo, Lê Quý Đôn, Đinh Tiên Hoàng) có tổ chức dạy-học môn *Toloi Jrai* như một môn học tại các huyện Chư Puh và Ia Pa. Sở dĩ chúng tôi chỉ khảo sát HS học năm cuối cùng của chương trình này vì thực tế các em đã lớn, đã học TMD cơ bản gần hết 3 năm chương trình, có nhận thức được chính xác hơn.

#### 3.3.2. Kết quả

a) Kết quả điều tra thu thập tư liệu, phỏng vấn HS cho thấy: *Hầu hết HS đều thích học môn tiếng Gia-rai*. Với câu hỏi: *Em có thích học môn Tiếng Gia-rai không ?* thì đa số các em ( $228/248 = 91,94\%$ ) thích học; chỉ có rất ít ( $9/248 = 0,4\%$ ) không thích; và có rất ít ( $11/248 = 0,44\%$ ) khó trả lời. Trong số này, tỉ lệ HS nữ thích học cao hơn so với các em HS nam. Cụ thể, trong số 9 HS không thích học môn học này có 4 HS nam trong tổng số 89 HS nam được khảo sát, chiếm 4,5%. Trong khi đó chỉ có 5 HS nữ không thích học môn học này trong tổng số 159 HS nữ được khảo sát, chiếm 3,13%. Ngay cả đối với các trường hợp mà HS cảm thấy khó trả lời cũng vậy. Có  $6/89 = 6,74\%$  HS nam khó trả lời có thích hay không. Ngược lại chỉ có  $5/159 = 3,14\%$  HS nữ khó trả lời đối với việc thích/không thích học tiếng Gia-rai.

Còn với 9 em không thích học tiếng Gia-rai thì lí do được đưa ra là:

- + Học nhiều môn học quá nên không thích ( $9/9=100\%$ );
- + Sợ thầy cô mà phải học ( $9/9=100\%$ );
- + Mất thời gian học các môn học khác ( $8/9 = 89\%$ );
- + Chữ viết khó nên không muốn học ( $9/9=100\%$ ).

b) Với những HS thích học môn TMD thì khi trả lời câu hỏi: *Tại sao em thích học môn Tiếng Gia-rai ?* thì kết quả cho thấy:

- + Đa số HS ( $213/228 = 93,42\%$ ) trả lời vì đó là chữ dân tộc mình nên phải học để biết đọc và viết, trong đó nam ( $74/79 = 93,67\%$ ) có tỉ lệ tương đương với nữ ( $139/149 = 93,28\%$ )
- + Đa số HS ( $193/228 = 84,65\%$ ) cho rằng để đọc các sách báo chữ dân tộc mình, trong đó nam ( $74/79 = 93,67\%$ ) chiếm tỉ lệ cao hơn so với nữ ( $119/149 = 79,86\%$ )

<sup>18</sup> Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011, tr. 1164.

Và cũng còn có một số ít ( $29/228 = 12,7\%$ ) HS không lí giải được lí do tại sao mình thích học môn TMD?

c) Đối với các HS yêu thích môn học này, với câu hỏi *Em có thích học thêm các môn học khác bằng tiếng Gia-rai không?* thì cho thấy:

Hầu như đa số ( $215/248 = 94,30\%$ ) HS thích học thêm bằng TMD đối với các môn khác. Các môn học mà chúng tôi đưa ra gồm: *vệ sinh, kể chuyện, toán, khoa học* thì kết quả cho thấy: không phải tất cả các môn được các em thích như nhau và có một sự phân biệt khá rõ rệt về giới giữa các HS nam với nữ và khá phù hợp tâm lí ở trẻ thơ đối với các môn học này. Cụ thể:

+ Nhiều ( $116/248 = 46,77\%$ ) HS thích học môn *Kể chuyện*, trong đó nam ( $47/89 = 52,80\%$ ) chiếm tỉ lệ cao hơn nữ ( $69/159 = 43,39\%$ ).

+ Gần một phần ba ( $78/248 = 31,45\%$ ) HS thích môn Toán, trong đó nam ( $32/89 = 35,95\%$ ) chiếm tỉ lệ cao hơn nữ ( $46/159 = 28,93\%$ ).

+ Chỉ có  $72/248 = 29,03\%$  HS thích học môn *Khoa học*, trong đó nữ ( $55/159 = 34,59\%$ ) chiếm tỉ lệ cao hơn nam ( $17/89 = 19,10\%$ );

+ Chỉ có rất ít ( $25/248 = 10\%$ ) HS thích học môn *Vệ sinh*, trong số đó nữ ( $21/159 = 13,2\%$ ) chiếm tỉ lệ cao hơn nam ( $4/89 = 4,5\%$ ).

Còn một số rất ít ( $13/228 = 5,70\%$ ) HS không thích học thêm môn khác bằng tiếng Gr. Tất cả ( $13/13 = 100\%$ ) các HS này đều cho rằng các em có quá ít thời gian học, và chỉ cần học để biết đọc, biết viết là đủ.

d) Về thời lượng học môn TMD: với câu hỏi *Theo em, mỗi tuần nên học mấy (từ 2 - 6) tiết tiếng Gia-rai là vừa với lớp em?* thì kết quả như sau:

+ Gần một nửa HS ( $120/248 = 48,40\%$ ): 3 tiết;

+ Một số ít ( $73/248 = 29,44\%$ ): 2 tiết;

+ Một số ít hơn ( $28/248 = 11,3\%$ ): 4 tiết

Còn có một số (12 HS) đề nghị học 5 tiết, thậm chí có 3 em đề nghị học 6 tiết, và có 2 HS đề nghị học nhiều hơn 6 tiết/tuần. Rõ ràng kết quả cho thấy phần lớn các em cho rằng chỉ nên học môn *Toloi Jrai* 3 tiết/tuần. Nguyên nhân của ý kiến về thời lượng học tập này có lẽ xuất phát từ tình hình thực tế ở các trường TH của Ia Pa đều tổ chức dạy 3 tiết/tuần đối với môn học này cho HS.

#### 4. Kết luận

Thực tiễn kết quả điều tra, nghiên cứu cho thấy, việc dạy-học tiếng Gr như một môn học trong trường TH tuy có sự phát triển về số lượng, chất lượng, cơ sở vật chất... song vẫn còn nổi lên một số vấn đề. Đó là, tỉ lệ

HS TH Gr được thụ hưởng giáo dục bằng TMD còn rất thấp; điều kiện cơ sở vật chất và con người chưa đáp ứng được nhu cầu dạy-học; sự thay đổi chữ viết... Bên cạnh đó còn phải kể đến các tài liệu tham khảo cần thiết cho giáo viên và HS, chất lượng in ấn, biên soạn sách giáo khoa, cũng như vấn đề phương ngữ khi dạy-học cho HS. Ngoài ra, cần quan tâm đến thái độ, nhu cầu của HS đối với môn học cũng như sự thay đổi thời lượng dạy-học tiếng DTTS của Bộ GD&ĐT. Chỉ có như vậy, vấn đề giáo dục TMD cho HS Gr trong trường TH mới có cơ sở để phát triển bền vững/.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Báo cáo tình hình và chất lượng học tập tiếng Gia-rai của học sinh các Trường Tiểu học: Trần Hưng Đạo, xã Ia Rông; Lê Quý Đôn, Đỉnh Tiên Hoàng, xã Ia Mron trong các năm học từ 2010 - 2014.

2. Báo cáo tổng kết công tác giáo dục dân tộc thiểu số các năm học từ 2010 - 2014 của các Phòng GD&ĐT huyện Chư Puh và Ia Pa; Sở GD&ĐT tỉnh Gia Lai.

3. Bộ GD&ĐT, Các Quyết định, Thông tư, chỉ thị... về giáo dục tiếng Gia-rai và các ngôn ngữ dân tộc thiểu số từ năm 1975 đến nay.

4. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb. Giáo dục.

5. Nhà xuất bản giáo dục (2000, 2001, 2008), *Toloi Jrai sôp 1, 2, 3*.

6. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (2009, 2010), *Toloi Jrai sôp 2 Tơ loi Jrai sôp 3*.

7. Đoàn Văn Phúc (2009), *Đặc điểm các thổ ngữ Mdhur ở Gia Lai*, Ngôn ngữ, số 9.

8. Đoàn Văn Phúc (2010), Quyết định 53-CP với việc bảo tồn và phát huy ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong thời kì mới, *Ngôn ngữ*, S. 9.

9. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai-Kon Tum, Quyết định số 03/QĐ-UB *Về việc công bố bộ chữ cái biên soạn chữ các dân tộc trong tỉnh*.

10. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND *Về việc công bố bộ chữ cái và hệ thống âm, vần tiếng Jrai; bộ chữ cái và hệ thống âm, vần tiếng Bahmar*.

11. Viện Ngôn ngữ học (1993), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, KHXH., H.

12. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, KHXH., H.

13. Viện Ngôn ngữ học (2011), *Bức tranh toàn cảnh về các ngôn ngữ ở Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ; chủ nhiệm: Đoàn Văn Phúc, Nghiệm thu 3/2011.